

Bản án số: 202/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-10-2019.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp*
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phú, ông Nguyễn Nhân Phái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1985. Địa chỉ: **Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt.**

2. *Bị đơn:* Anh Lê Phúc N, sinh năm 1976. Địa chỉ: **Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.** Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/7/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh T trình bày như sau:

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Lê Phúc N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau một thời gian thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 07/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh N nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên thường xuyên đánh đập chị T. Từ tháng 10/2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không, quan tâm, chăm sóc cho nhau; cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Gia đình 2 bên đã hòa giải nhưng vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Nay chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lê Phúc N.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Lê Băng C, sinh ngày 12/10/2014; Lê Nguyên K, sinh ngày 28/11/2015. Hiện tại cả 2 cháu đang ở với chị T. Nếu ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 người con cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị T đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu Lê Băng C, Lê Nguyên K, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, bản sao chứng minh nhân dân chị T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho anh Lê Phúc N biết việc chị T xin ly hôn.

Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 18/9/2019, anh Lê Phúc N trình bày cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 12/10/2017 cho đến nay. Anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đồng ý ly hôn chị T và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Băng C.

Tòa án cũng đã nhiều lần Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2019, Ủy ban nhân dân xã Lộc Sơn cũng như bà Hồ Thị N mẹ ruột của anh N xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã giao lại cho anh N gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng anh N bận công việc làm ăn không đến Tòa án được, đồng thời khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là có thật, gia đình đã hòa giải nhưng không khắc phục được.

Tại phiên tòa ngày 08/10/2019, anh N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa, thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giấy triệu tập anh N nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và hai lần vắng mặt tại phiên tòa. Bởi vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản trình bày ý kiến của bị đơn để xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Lê Phúc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 07/3/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét quá trình hôn nhân giữa chị T và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh N nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm. Từ tháng 10/2017 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau; cuộc sống của ai người đó tự lo liệu; gia đình đã hòa giải nhưng hai người không khắc phục được mâu thuẫn. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải được do bị đơn vắng mặt. Tại văn bản bản trình bày ý kiến đề ngày 18/9/2019, anh Lê Phúc N trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ ngày 12/10/2017. Anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Bởi vậy, đã có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về việc nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, bị đơn thấy rằng: Hiện nay cả 02 người con chung của vợ chồng là cháu Lê Băng C, sinh ngày 12/10/2014; Lê Nguyên K, sinh ngày 28/11/2015 đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các cháu đang ở độ tuổi còn rất nhỏ, cháu C (5 tuổi, con gái), cháu K (4 tuổi, con trai) nên cần có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ để được phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần. Mặc khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì cháu C và cháu K đều ở với chị T do đó cần tiếp tục duy trì sự ổn định của cuộc sống 2 cháu như hiện tại; giao cả 02 người con cho chị T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên yêu cầu về việc nuôi con của bị đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T rõ về các quy định của Luật hôn nhân gia đình về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Chị T trình bày có công việc ổn

định, đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh T. Chị T được ly hôn anh Lê Phúc N.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Lê Băng C, sinh ngày 12/10/2014; Lê Nguyên K, sinh ngày 28/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Minh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lê Phúc N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/006615, ngày 29/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đường sự;
- UBND xã L, huyện Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

